

VAI TRÒ CỦA TRƯỜNG THỰC HÀNH TRONG BỒI DƯỠNG NĂNG LỰC XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH NHÀ TRƯỜNG CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM

TS. TƯỜNG DUY HẢI - GS.TS. ĐỖ HƯƠNG TRÀ*

Ngày nhận bài: 14/05/2016; ngày sửa chữa: 16/05/2016; ngày duyệt đăng: 16/05/2016.

Abstract: This article presents the results of building the school curriculum for integrated teaching in Nguyen Tat Thanh practice school, (which belongs to the Hanoi National University of Education). This curriculum is built on the foundation of theoretical research and teaching situation to train the capacity of integrated teaching and designing lesson plans for pedagogical students.

Keywords: integrated teaching, building capacity, school curriculum, student training.

1. Mở đầu

Vấn đề phát triển chương trình giáo dục hiện nay được bàn đến thường xuyên, trong đó bao gồm phát triển chương trình nhà trường (CTNT), phát triển chương trình môn học, bài học,.... Hiểu một cách đơn giản, đó là sự điều chỉnh chương trình giáo dục cho sát với điều kiện thực tế của nhà trường, của địa phương, phù hợp với đặc điểm của học sinh (HS), thậm chí là phù hợp với năng lực (NL) của giáo viên (GV).

NL xây dựng và phát triển CTNT, trong đó có xây dựng và thiết kế dạy học các chủ đề tích hợp - là một trong những nội dung cần đưa vào trong đào tạo sinh viên (SV) để đáp ứng với yêu cầu đổi mới giáo dục. Tuy nhiên, phát triển CTNT sẽ đi vào lí luận kinh viện nếu không có hơi thở của thực tiễn giáo dục nhà trường để SV được trải nghiệm, được phân tích và được tự điều chỉnh các hoạt động giáo dục đã thiết kế. Điều này, không thể không nói đến vai trò của các trường thực hành trong các trường sư phạm, trong các viện nghiên cứu và cơ sở đào tạo, bồi dưỡng GV.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Định hướng xây dựng ý tưởng chủ đề dạy học tích hợp (DHTH)

Nhiều nghiên cứu trong Cộng đồng châu Âu đã xác nhận xu hướng hiện nay của HS là không thích học các môn khoa học, không đam mê nghiên cứu khoa học. Thực trạng là số SV đăng kí vào các trường đại học thì tăng nhưng với các chuyên ngành khoa học, đặc biệt là Vật lí và Toán thì lượng SV đăng kí theo học ngày càng giảm (So sánh các nước châu Âu cho thấy, số lượng SV đăng kí học các ngành khoa học trong năm 2007 giảm đến 50% so với năm 1995). Trong khi đó, việc hình thành và phát triển các NL cơ bản để tồn tại, chung sống và phát triển trong xã hội lại

đòi hỏi vai trò ngày càng tăng của các kiến thức khoa học, phương pháp khoa học. Theo báo cáo của Cộng đồng châu Âu về dạy học khoa học, nguyên nhân HS không đam mê học tập và nghiên cứu trong lĩnh vực khoa học là do sự giảng dạy các môn khoa học trong nhà trường còn thiếu phương pháp khoa học, GV không làm chủ được các phương pháp nghiên cứu khoa học, do cấu trúc chương trình các môn khoa học có quá nhiều kiến thức trừu tượng, không thể hiện được logic của lịch sử hình thành các môn khoa học. Như vậy, cần phải đổi mới phương pháp dạy học, tăng cường bồi dưỡng các phương pháp nghiên cứu khoa học trong nhà trường, cấu trúc lại chương trình giảng dạy khoa học để làm tăng khả năng tìm tòi, khám phá trong khoa học, giảm tính hàn lâm, kiến thức trừu tượng trong trường phổ thông [1].

Có nhiều tư tưởng định hướng xây dựng các chủ đề tích hợp khoa học, xu thế nổi bật là chương trình giảng dạy khoa học trong nhà trường của Mĩ khi lấy các yếu tố Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật và Toán làm sự gắn kết trong chủ đề, của Pháp khi định hướng giải quyết các chủ đề Khoa học mang tính xã hội và Khoa học mang tính thời sự của cuộc sống [2], của Hong Kong khi định hướng xây dựng các chủ đề theo Khoa học, Công nghệ, Xã hội và Môi trường. Như vậy, việc xây dựng các chủ đề tích hợp đều gắn liền với cuộc sống, với xã hội, với môi trường và vẫn phải đảm bảo có sự liên kết chặt chẽ giữa các môn học *Vật lí, Hóa học, Sinh học và Công nghệ* trong nhà trường.

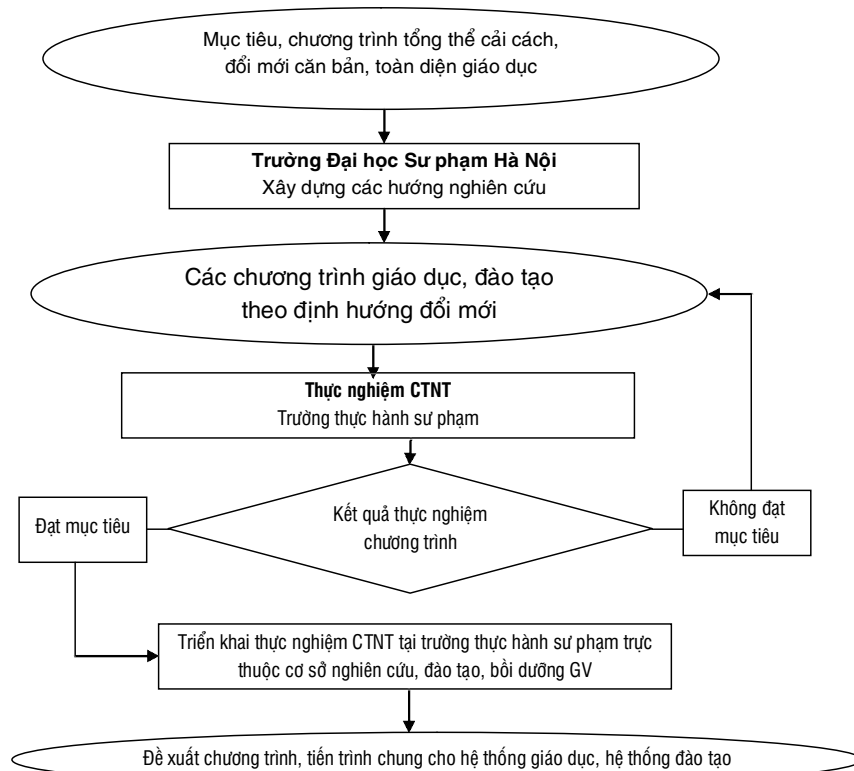
Việc định hướng xây dựng logic nội dung của chủ đề tích hợp là vấn đề quan trọng để triển khai

* Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

DHTH khoa học trong nhà trường. Để HS có được các thông tin, kiến thức và huy động kinh nghiệm hoạt động của bản thân trong chủ đề tích hợp thì chủ đề giảng dạy phải gắn gũi với tất cả các HS, phải xuất phát ngay từ cuộc sống của chính HS, ngay trong gia đình, trong sinh hoạt và trong cộng đồng HS đang sống. Trong đó, vai trò của thông tin truyền thông, công nghệ thông tin, truyền thanh, truyền hình, internet là phương tiện hữu hiệu để xác định nội dung của chủ đề và đảm bảo tính thời sự của chủ đề, đồng thời tạo động cơ, hứng thú cho HS thể hiện giá trị của mình khi tham gia giải quyết vấn đề xã hội “nóng bỏng” ngay trên ghế nhà trường [3]. Đặc biệt trong các định hướng xây dựng chủ đề tích hợp cần phải tính đến vai trò của khoa học đối với xã hội, khoa học đối với đời sống của chính HS, đây cũng là quan điểm chủ đạo trong đề xuất cải cách dạy học khoa học trong nhà trường của Cộng đồng châu Âu trong thế kỉ XXI.

2.2. Tổ chức nghiên cứu bồi dưỡng NL xây dựng chương trình DHTH

2.2.1. Định hướng liên kết giữa cơ sở nghiên cứu sư phạm và trường thực hành sư phạm trong bồi dưỡng NL cho SV. Xuất phát từ mục tiêu đổi mới giáo dục làm căn cứ định hướng nghiên cứu và hệ thống giáo dục quốc dân làm môi trường thực hành, đánh giá kết quả nghiên cứu. Nhóm nghiên cứu đã xây dựng tiến trình nghiên cứu gồm nhiều giai đoạn gắn kết chặt chẽ với nhau trong đó nhấn mạnh đến tính thực tiễn của hệ thống giáo dục thông qua việc triển khai chương trình trong trường thực hành sư phạm để đánh giá, điều chỉnh và chuyển giao CTNT về DHTH liên môn. Các giai đoạn triển khai nghiên cứu bồi dưỡng NL xây dựng CTNT trong DHTH liên môn khoa học công nghệ có sự liên kết chặt chẽ giữa cơ sở nghiên cứu sư phạm, đào tạo, bồi dưỡng GV và trường thực hành sư phạm được thực hiện như sau: (xem sơ đồ 1)



Sơ đồ 1. Sơ đồ mô tả sự kết hợp giữa cơ sở nghiên cứu, đào tạo GV và trường thực hành sư phạm

2.2.2. Định hướng xây dựng CTNT trong DHTH liên môn. Xây dựng và phát triển CTNT về DHTH liên môn cần dựa vào các nguyên tắc sau:

Thứ nhất, xây dựng các chủ đề tích hợp liên môn và thiết kế tiến trình hoạt động dạy học các chủ đề là việc làm thiết yếu, đảm bảo thành công của quá trình dạy học. Trong các chủ đề tích hợp liên môn không tồn tại ranh giới giữa các môn học mà chỉ tồn tại vấn đề phức hợp cần giải quyết. Do vậy, xây dựng chủ đề tích hợp liên môn và thiết kế tiến trình hoạt động dạy học cần được thực hiện công phu, nghiêm túc, có thể qua nhiều vòng và cần đến sự hợp tác của các SV đến từ các khoa khác nhau, sự hợp tác của SV với giảng viên và với GV ở trường thực hành sư phạm.

Thứ hai, quá trình xây dựng chủ đề, thiết kế tiến trình dạy học và tổ chức dạy học của SV cần được thực hiện theo nhóm hỗn hợp gồm các SV đến từ các khoa khác nhau. Đây là một trong những yếu tố làm nên sự thành công của dạy học tích hợp liên môn. Kiến thức mà SV lĩnh hội được qua các hoạt động trải nghiệm là quan trọng nhưng những kĩ năng và xúc cảm làm việc cùng nhau là một trong số những mục tiêu quan trọng của DHTH liên môn.

Thứ ba, đánh giá luôn là mắt xích quan trọng làm nên thành công của dạy học. Đặc biệt, với tích hợp liên môn, việc kiểm tra, đánh giá càng trở nên quan trọng hơn bởi nội dung dạy học thuộc về các môn học khác nhau, được tiến hành qua nhiều tiết học. Nếu không có sự tham gia đánh giá của các GV ở trường thực hành thì quá trình dạy học của SV, quá trình học tập của HS dễ bị thả nổi, khó kiểm soát và khó thu được thành công.

Thứ tư, môi trường, cơ sở vật chất, trang thiết bị trong DHTH liên môn cũng phải được đầu tư và chuẩn bị công phu. Không thể ghép cơ học các thiết bị dạy học của các môn học với nhau để thành thiết bị của DHTH được, mà cần xây dựng các trang thiết bị, môi trường theo mục tiêu của chủ đề, logic của nội dung chủ đề. Điều này ảnh hưởng lớn đến sự thành công trong việc xây dựng CTNT khi tính đến vai trò của DHTH.

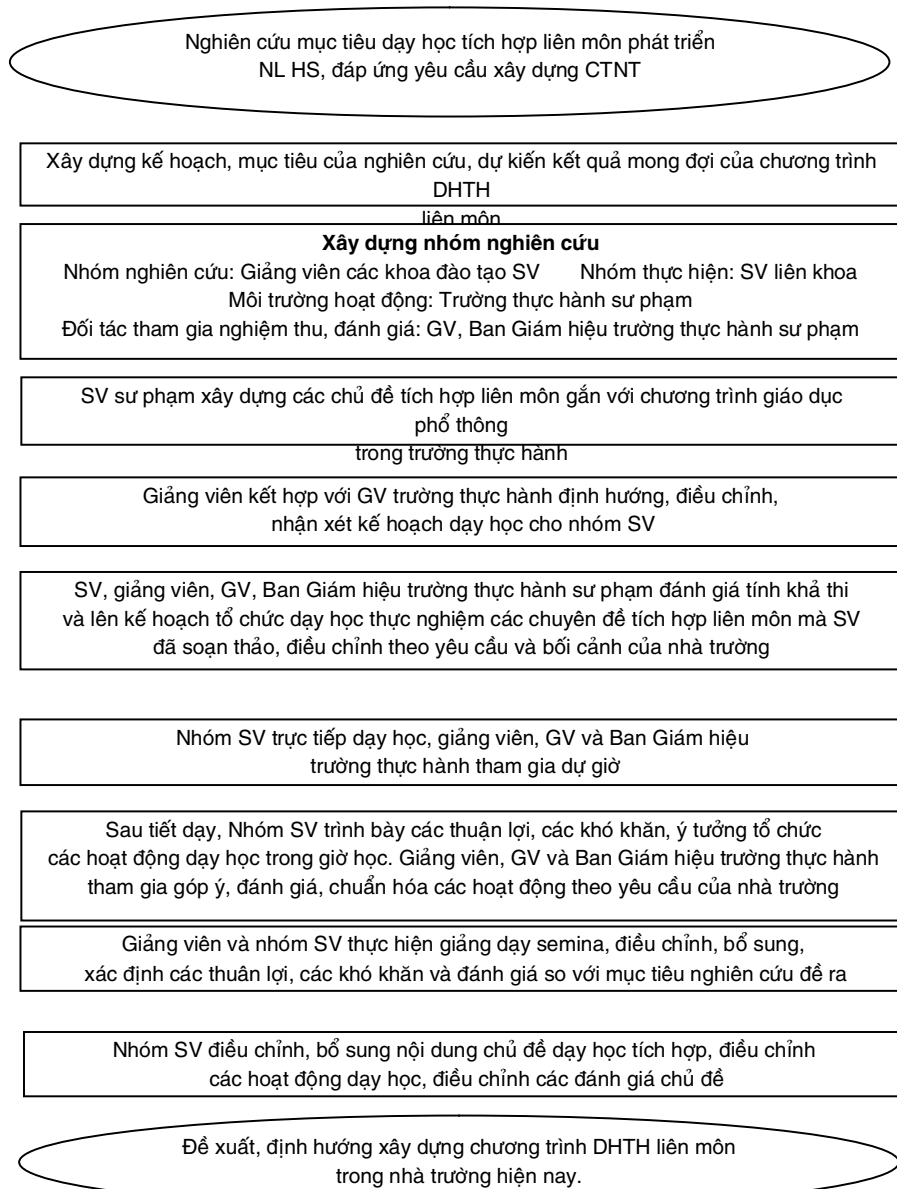
Như vậy, có thể thấy đào tạo cho SV về xây dựng CTNT (xây dựng và thiết kế các chủ đề DHTH) cần sự liên kết chặt chẽ và tương trợ lẫn nhau giữa cơ sở nghiên cứu là trường đại học sư phạm và trường thực hành sư phạm. Trường thực hành sư phạm đóng vai trò tạo môi trường, đánh giá, nghiệm thu các kết quả nghiên cứu, định hướng cho các nghiên cứu về CTNT để đáp ứng nhu cầu thực tiễn, bối cảnh thực của hệ thống giáo dục hiện nay. Sự kết hợp này được thể hiện ở sơ đồ dưới đây: (xem sơ đồ 2).

2.3. Đặc điểm Trường thực hành sư phạm THCS&THPT Nguyễn Tất Thành

Trường thực hành sư phạm Nguyễn Tất Thành

thuộc Trường Đại học Sư phạm Hà Nội là trường trung học đa cấp gồm cả cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông. Trường đang tích cực thực hiện thí điểm xây dựng CTNT theo tinh thần của Công văn hướng dẫn số 791/HD-BGDĐT ngày 25/6/2013 của Bộ GD-ĐT.

Quá trình triển khai xây dựng CTNT được định hướng phải mang đặc trưng của Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành, đó là phát triển đa dạng NL của HS dựa trên các hoạt động giáo dục, các hoạt động dạy học bộ môn và các chương trình ngoại khóa kết hợp với hệ thống câu lạc bộ khoa học, hợp tác quốc tế trong đào tạo phổ thông. Sự đa dạng và phong phú



Sơ đồ 2. Tiến trình thực hiện nghiên cứu bồi dưỡng NL cho SV

các hoạt động giáo dục, hoạt động dạy học đảm bảo sự giáo dục toàn diện cho HS, phát triển các NL chung và NL chuyên biệt trong tất cả các lĩnh vực, các môn học, nhưng vẫn bám sát theo các định hướng phát triển NL công nghệ thông tin, sử dụng tiếng Anh, NL khoa học làm định hướng của nhà trường và đảm bảo mục tiêu giáo dục theo chương trình tổng thể trong đó nhấn mạnh đến các hoạt động trải nghiệm sáng tạo và nghiên cứu khoa học của HS.

Đối với hoạt động xây dựng chương trình giáo dục khoa học, hiện vẫn phải theo chương trình, sách giáo khoa hiện hành. Các môn học vẫn được dạy độc lập và không thể cắt bỏ nội dung hoặc gộp lại một cách cơ học vì kiểm tra, đánh giá ở các kì thi trung học phổ thông Quốc gia vẫn theo đơn môn, chưa có kì thi đánh giá NL dựa trên lĩnh vực khoa học chung. Do đó, khi căn cứ vào đặc điểm chương trình các môn học, cơ sở vật chất và NL định hướng phát triển của nhà trường, SV được định hướng lựa chọn xây dựng hoạt động DHTH trong các môn khoa học như sau: - Xác định các phần kiến thức giao nhau giữa các môn *Vật lí, Hóa học, Sinh học, Công nghệ, Địa lí*; - Xây dựng nội dung chủ đề dựa trên các phần kiến thức giao nhau của các môn khoa học và công nghệ. Trong đó, ưu tiên các chủ đề liên quan đến kiến thức gần với đời sống hàng ngày của HS và các chủ đề mang tính thời sự trên truyền thông, truyền hình, internet, trong môi trường nhà trường và xã hội; - Lựa chọn hình thức tích hợp là liên môn hoặc hình thức dạy học đơn môn nhưng liên hệ với các môn học khác khi có phần kiến thức giao nhau; - Lựa chọn các phương pháp dạy học đáp ứng mục tiêu phát huy NL HS, theo định hướng đặt HS vào trong các tình huống hoạt động theo NL sở trường của cá nhân và hoạt động nhóm nhỏ. Đặc biệt chú ý đến sự phát triển NL sử dụng công nghệ thông tin, sử dụng tiếng Anh cho HS; - Xây dựng các phương tiện, thiết bị, thí nghiệm để tạo môi trường cho HS hoạt động nhằm phát huy các NL thực nghiệm của HS. Khuyến khích SV tự xây dựng thiết bị, phương tiện, thí nghiệm khi thiết kế tiến trình dạy học chủ đề liên môn; - Tổ chức cho SV dạy học các chủ đề tích hợp đã xây dựng theo định hướng nghiên cứu bài học nhằm tập trung quan sát các hoạt động học của HS, làm cơ sở nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho SV và từng bước nâng cao chất lượng học của HS trong các chủ đề [4]; - Tổ chức góp ý, đánh giá, rút kinh nghiệm ngay sau khi dạy giữa các giảng viên, GV bộ môn, SV dạy các chủ đề và lãnh đạo nhà trường để điều chỉnh các chủ đề tích hợp đã dạy

mẫu, làm cơ sở điều chỉnh các hoạt động dạy, bố trí và huy động các phương tiện, thiết bị để HS có thể phát triển NL mong muốn cho HS.

3. Kết quả thu được và thảo luận

Dựa trên định hướng đã thống nhất và đề xuất, nhóm nghiên cứu (các SV trong các khoa Vật lí, Hóa học, Sinh học) đã xây dựng được 8 chủ đề DHTH liên môn. Các chủ đề phân bổ chủ yếu cho các khối lớp 10 và 11, chỉ có 1 chủ đề về “Thông tin truyền thông” cho khối 12. Năm học 2015-2016, lần đầu tiên có SV năm thứ 3 đi thực tập sư phạm ngoài việc phải đảm bảo mục tiêu bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, rèn luyện nghề nghiệp trong dạy học đơn môn còn được bồi dưỡng NL DHTH, xây dựng CTNT theo tinh thần đổi mới giáo dục để ngay khi ra trường, SV có thể trở thành nhân tố tích cực và có đủ NL thực hiện đổi mới dạy học trong nhà trường phổ thông.

Quá trình thực tập của SV trong nhóm nghiên cứu được chia ra làm 2 giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất gồm 3 tuần đầu thực tập giáo dục và giảng dạy 2 tiết học đơn môn như quy chế hiện hành cho toàn trường sư phạm đối với SV năm thứ 3 trong quá trình đào tạo 4 năm. Giai đoạn thứ hai là 1 tuần còn lại, SV sẽ thực tập để bồi dưỡng NL DHTH, xây dựng CTNT theo mục tiêu của nhóm nghiên cứu. Trong giai đoạn hai này, SV cũng chỉ được dạy 2 tiết học trong chủ đề đã soạn để giảng viên, GV trường, Ban Giám hiệu trường thực hành cùng với các SV thực tập khác đánh giá, nhận xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với trường thực hành.

Trong tổng số 39 tiết dự kiến dạy học của các chủ đề, SV lựa chọn 2 tiết dạy ở mỗi chủ đề để dạy mẫu nhằm đánh giá tính khả thi và điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện nội dung chủ đề cũng như các hoạt động học đã thiết kế theo đúng định hướng CTNT.

Quy trình chuẩn bị, tổ chức dạy học thực nghiệm và đánh giá bài học theo các bước của nghiên cứu bài học như sau: - Nhóm SV trình bày ý tưởng tổ chức dạy học, dự kiến các hoạt động của HS. GV trường thực hành góp ý, để SV điều chỉnh quá trình dạy sao cho phù hợp nhất với bối cảnh nhà trường; - Mỗi nhóm gồm 3 SV cùng tiến hành dạy học chủ đề tích hợp liên môn với sự quan sát của GV trường thực hành, lãnh đạo nhà trường, giảng viên và các SV cùng tham gia thực tập; - Tổ chức góp ý, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch, tiến trình hoạt động của HS, điều chỉnh mức độ của các nhiệm vụ giao cho HS cũng như làm sâu sắc hơn nội dung chủ đề (xem *bảng 1*).

Trong đó: - Tổng số tiết của chủ đề là số tiết dạy trực tiếp trên lớp, không tính thời gian HS thực hiện

Bảng 1 : Các chủ đề tích hợp bồi dưỡng NL

TT	Tên chủ đề	Khối	Tổng số tiết của chủ đề	Số tiết dạy thực nghiệm	Hình thức tích hợp	Phương pháp dạy học chủ đạo
1	Nước và sự sống của thực vật	10	6	2	Liên môn Vật lí - Hóa học - Sinh học	Phương pháp thực nghiệm, Dạy học theo góc, Phương pháp dự án, Phương pháp đóng vai
2	Chuyển động của vật bị ném	10	2	2	Đơn môn Vật lí, tích hợp công nghệ	Phương pháp thực nghiệm, Phát hiện và giải quyết vấn đề
3	Vệ tinh nhân tạo	10	4	2	Đơn môn Vật lí, tích hợp Địa lí, Công nghệ	Thảo luận tập thể, Dạy học theo góc, Kỹ thuật mảnh ghép
4	Giảm ăn - gia vị của cuộc sống	11	4	2	Liên môn Vật lí - Hóa học - Sinh học	Phương pháp thực nghiệm, Dạy học theo góc, Phương pháp dự án
5	Hiệu ứng nhà kính	11	4	2	Liên môn Vật lí - Hóa học - Sinh học	Dạy học theo góc, Phương pháp dự án, Tổ chức thảo luận tập thể
6	Hầm biogas - giải pháp nâng cao chất lượng môi trường sống	11	4	2	Liên môn Vật lí - Hóa học - Sinh học	Dạy học theo góc, Phương pháp dự án, Tổ chức thảo luận tập thể
7	Trồng rau thủy canh	11	4	2	Liên môn Vật lí-Hóa học-Sinh học	Dạy học theo góc, Phương pháp dự án
8	Thông tin truyền thông	12	11	2	Đơn môn Vật lí, tích hợp Địa lí, Công nghệ	Dạy học theo góc, Phương pháp dự án, Thảo luận tập thể
Tổng			39	16		

dự án, tự học ở nhà hoặc trong phòng thí nghiệm, phòng thư viện để hoàn thành sản phẩm của chủ đề; - Số tiết dạy thực nghiệm là số tiết được dạy để giảng viên, GV, Ban Giám hiệu trường thực hành tham gia nghiên cứu bài học, đánh giá, rút kinh nghiệm; - Các chủ đề đều huy động nhiều phương pháp, kĩ thuật dạy học, ở đây phương pháp dạy học chủ đạo được hiểu là các phương pháp, kĩ thuật chính mà khi dạy mẫu GV sử dụng.

Sự góp ý, trao đổi, đánh giá được thực hiện ngay sau mỗi tiết dạy của nhóm SV. Hoạt động này thực sự là những buổi sinh hoạt chuyên môn qua nghiên cứu bài học. Các ý kiến đóng góp rất đa dạng, phong phú từ nội dung chủ đề cho đến sự giao tiếp giữa người dạy - SV - với người học, và kết quả dạy học các chủ đề được đánh giá đa chiều, dưới nhiều góc nhìn khác nhau từ nhà nghiên cứu là các giảng viên, người thực hiện là các SV đến các nhà dạy học chuyên nghiệp là các GV trường thực hành và các nhà quản lí thực hiện đổi mới là Ban Giám hiệu nhà trường.

Những nhận xét của giảng viên, GV và Ban Giám

hiệu đều thể hiện tinh tích cực trong việc xây dựng chương trình và đưa ra được nhiều phương án thống nhất để cải thiện quá trình dạy học các chủ đề tích hợp liên môn để phù hợp hơn với định hướng xây dựng chương trình mang đặc điểm của nhà trường và phát triển được NL mục tiêu cho HS. Qua nghiên cứu bài học, SV cũng như các giảng viên, có cái nhìn cụ thể hơn về CTNT, về đặc điểm của HS trong nhà trường và về mức độ các nhiệm vụ giao cho HS để đảm bảo thu hút được HS tham gia vào các hoạt động học. Đây thực sự là những bài học quý báu cho SV cũng như các giảng viên, GV và trường thực hành, làm cơ sở xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng và tập huấn GV để có thể triển khai CTNT rộng khắp cả nước.

Tuy nhiên, cũng có những khó khăn đã được xác nhận khi nghiên cứu bài học: - Kiến thức HS huy động vào học tập theo chủ đề quá rộng, GV đơn môn khó kiểm soát và làm chủ khi HS đào sâu các kiến thức không phải chuyên môn của mình; - Nhiều thông tin HS tìm kiếm được trên internet trong các trang mạng, trong các đoạn phim video-clip bằng tiếng Anh đưa vào thảo luận và thực hiện sản phẩm của dự án gây khó khăn cho GV khi đánh giá sản phẩm nào là HS sáng tạo, sản phẩm nào là HS bắt chước, làm theo; - Thời gian tổ chức dạy học thường dài, bố trí trong 2 tiết học liên tiếp cũng không đủ. HS thực hiện các hoạt động học tập không đồng đều nên mất nhiều thời gian để tất cả HS hoàn thành xong các nhiệm vụ; - Các thiết bị, thí nghiệm có sẵn ở trường thực hành chưa đáp ứng được việc tổ chức DHTH liên môn. Vì thế, GV có lúc phải xây dựng, thiết kế, chế tạo mới các thiết bị cho phù hợp với các nhiệm vụ học tập.

4. Kết luận và đề xuất

Chương trình DHTH liên môn đã đáp ứng được định hướng đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, chuyển từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận NL, thông qua nhiều hình thức giáo dục như DHTH, trải nghiệm sáng tạo, ngoại khóa, câu lạc bộ. Việc xây dựng CTNT cần tính đến đặc điểm riêng của trường để xây dựng CTNT, mang bản sắc và đặc trưng của đối tượng HS, vùng, miền địa phương nhằm đảm bảo tối đa hiệu quả giáo dục HS.

Nghiên cứu đã đạt được mục tiêu đề ra khi chọn Trường THCS&THPT Nguyễn Tất Thành là một trong những cơ sở tiên phong trong đổi mới giáo dục và thực hiện nhiều chương trình thí điểm trong đó có CTNT đã được Bộ GD-ĐT chỉ định và thường xuyên

(Xem tiếp trang 32)

4. Tăng tính chịu trách nhiệm của tổ trưởng bộ môn và các thành viên

Việc xây dựng và triển khai chương trình nhà trường rất *linh hoạt và luôn vận động*, điều này là một thách thức lớn đòi hỏi các thành viên phải thay đổi để phát triển, tự giác, tự chịu trách nhiệm và chuyên nghiệp. Khi xây dựng kế hoạch, chú trọng đến các tiêu chí đánh giá chất lượng công việc và giao mục tiêu sản phẩm giáo dục đến từng thành viên. Vì vậy, những hoạt động chuyên môn dẫn đi vào thực chất, tránh bệnh hình thức. GV đều nhận thấy việc nâng cao trình độ chuyên môn là một nhu cầu “tự thân” và luôn có ý thức chia sẻ, trao đổi với đồng nghiệp để cùng tiến bộ.

Bên cạnh đó, vai trò và tính chịu trách nhiệm của tổ trưởng chuyên môn ngày càng tăng lên, chủ trương “phân quyền” của Ban Giám hiệu nhà trường đã có hiệu quả trong bối cảnh thực hiện chương trình nhà trường, nghĩa là thực hiện sự *đa dạng* trong giáo dục nhưng lại rất *thống nhất* về mục tiêu và quản lý chuẩn đầu ra. Do đó, tổ trưởng chuyên môn không chỉ phải

nâng cao trình độ mà còn có khả năng tập hợp, giải quyết và xử lý công việc liên quan.

Từ thực tiễn hoạt động của tổ chuyên môn trong thời gian vừa qua cho thấy, tăng cường tính tự chủ của tổ bộ môn là một giải pháp đúng đắn trong thực hiện chương trình nhà trường. Tuy nhiên, cần có việc làm cụ thể hơn nữa, tăng tính chủ động, chịu trách nhiệm, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ bộ môn (như đầu tư về cơ sở vật chất cho hoạt động chuyên môn, chủ động về nhân lực,...) để thực hiện thành công chương trình nhà trường trong thời gian sắp tới. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT. *Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/3/2011* về việc ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học.
- [2] Eisuke Saito - Masatsugu Murase - Atsushi Tsukui - John Yeo (2105). *Nghiên cứu bài học vì cộng đồng học tập*. NXB Đại học Sư phạm.
- [3] Manabu Sato - Masaaki Sato (2015). *Cộng đồng học tập - Mô hình đổi mới toàn diện nhà trường*. NXB Đại học Sư phạm.

Vai trò của trường thực hành...

(Tiếp theo trang 24)

đôn đốc, kiểm tra, đánh giá. Kết quả thu được qua sự liên kết chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo, bồi dưỡng GV với trường thực hành sư phạm để triển khai DHTH là đáng tin cậy, có sự phù hợp giữa lí luận với thực tiễn sẽ làm nền tảng tốt để thực hiện xây dựng CTNT và chương trình bồi dưỡng NL khoa học cho HS.

Trường thực hành THCS&THPT Nguyễn Tất Thành - Hà Nội đã đóng vai trò quan trọng trong việc giúp SV bước đầu làm quen với việc tổ chức dạy học theo mô hình 3 trong 1 khi dạy học các chủ đề tích hợp (nhóm 3 SV đến từ các lĩnh vực khác nhau cùng đứng lớp thay vì chỉ có 1 SV như khi dạy đơn môn). Những gì SV học được qua trải nghiệm với 16 tiết dạy ở các chủ đề tích hợp liên môn giúp SV liên hệ được giữa kiến thức trong trường đại học với thực tế dạy học và với kiến thức ở bậc phổ thông, có điều kiện thể nghiệm và vận dụng những gì tích lũy được qua các hoạt động trong nhóm nghiên cứu vào hoạt động dạy học các chủ đề tích hợp liên môn trên các đối tượng HS cụ thể.

Từ những thành công và khó khăn mà GV nêu lên, cần thiết phải xây dựng một số chủ đề mẫu cho các nhóm môn, trong đó huy động được tất cả các GV của nhóm môn tham gia vào thiết kế, chế tạo thiết

bị dạy học. Khi tổ chức dạy học, cần có các GV bộ môn khác hỗ trợ để đào sâu các kiến thức khi HS thảo luận và nhận xét, đánh giá chính xác giá trị của các sản phẩm mà HS đã thực hiện. Khi nào các GV bộ môn thống nhất và đánh giá tốt các chủ đề tích hợp liên môn thì mới triển khai dạy trên lớp, tránh việc GV mất kiểm soát cả về tổ chức và tri thức gây mất niềm tin cho HS.

Do đó, cần phải tổ chức rộng trên các trường phổ thông và sâu khi có sự kết hợp chặt chẽ giữa GV trong các tổ bộ môn để làm tăng hiệu quả của CTNT theo định hướng DHTH liên môn nhằm phát triển NL mục tiêu cho HS. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Rocard M. - Csermely P. - Jorde D. - Lenzen D. - Walberg-Henriksson H. - Hemmo V. (2007). *L'enseignement scientifique aujourd'hui: Une pédagogie renouvelée pour l'avenir de l'Europe*.
- [2] Urgelli B. *Changement climatique et développement durable traitement d'une question scientifique socialement vive à l'école*. INRP, N°406.
- [3] Tường Duy Hải - Đỗ Hương Trà (2014). *Context based learning and results at application via project based learning in real situation of physics classroom at high school in Vietnam*. African Educational Research Journal, 2014.
- [4] Sato M. - Sato M. (2015). *Cộng đồng học tập. Mô hình đổi mới toàn diện nhà trường*. NXB Đại học Sư phạm.